

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 43/2021/DS-GĐT

Ngày 27-10-2021

V/v đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du - Thẩm phán, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh

Ông Trần Hồng Hà

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Ngô Tiến Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Đòi tài sản”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đào Ngọc B, sinh năm 1955;

2. Bà Đào Ngọc L, sinh năm 1968.

Cùng cư trú tại: 61 S R, BBH3, 7NE, England.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2019); cư trú tại: Nhà số 7, Ngõ 40, phường TN, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Đào Thu H, sinh năm 1968; cư trú tại: 50 đường P, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: 98/92/17 đường CMTT, Phường 5, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tiết Kim S, sinh năm 1948;

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1954;

Cùng cư trú tại: 16A NC, phường LT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa

3. Ông Tiết Phú H2, sinh năm 1976; cư trú tại: 19104 LL Florida, Hoa Kỳ.

4. Ông Ngô Đình Q, sinh năm 1962; cư trú tại: Chung cư PH, Lô B, căn 19.6, đường NHT, PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Cục Thi hành án dân sự tỉnh KH, địa chỉ: 105 TH, phường VT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình Q1 - Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đào Ngọc B, bà Đào Ngọc L (người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn T) trình bày:

Năm 2008, ông B và bà L về Việt Nam thăm gia đình nên bà Đào Thu H (em gái của ông B) có giới thiệu để vợ chồng ông B mua thửa đất số 4, lô B, khoảnh X, tiểu khu 568 tại thôn VT, xã VL, thành phố NT (nay là thửa đất số 334, tờ bản đồ số 3, tại thôn LS3, xã VL, thành phố NT) của ông Tiết Kim S, bà Nguyễn Thị H1, diện tích 18.995,8m², giá 1.530.000.000 đồng. Do vợ chồng ông B, bà L là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên đã nhờ bà H thực hiện các giao dịch chuyển nhượng và đứng tên giấy tờ quyền sử dụng đất. Ông B, bà L đã đưa tiền cho bà H để nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên, các lần chuyển tiền cụ thể như sau:

+ Tháng 8/2008 (thời điểm ông B, bà L đang ở Việt Nam) đưa trực tiếp cho bà H số tiền 30.000 bảng Anh (tương đương 993.780.000 đồng) tại nhà bà Hồ Thị Hằng D (cháu của ông B và bà H);

+ Ngày 02/10/2008, chuyển số tiền 11.461 bảng Anh tương đương với 20.000 USD (tương đương 379.667.686 đồng) cho ông Tiết Phú H2 (con trai ông S, bà H) đang du học tại Mỹ theo yêu cầu của bà H.

+ Ngày 15/10/2008, vợ chồng ông B, bà L tiếp tục chuyển khoản cho bà H số tiền 15.000 bảng Anh (tương đương 496.890.000 đồng).

+ Ngày 09/12/2008, chuyển khoản cho bà H số tiền 10.000 bảng Anh (tương

đương 331.260.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông B, bà L đã đưa cho bà H là 66.461 bảng Anh (tương đương 2.201.597.686 đồng).

Ông B, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại thửa đất nêu trên và các giấy tờ liên quan đến thửa đất.

Bị đơn là bà Đào Thu H trình bày:

Ngày 08/9/2008, bà và ông Ngô Đình Q (chồng cũ của bà) ký văn bản thỏa thuận với vợ chồng ông Tiết Kim S và bà Nguyễn Thị H1 về việc chuyển nhượng thửa đất số 4, lô B, khoảnh X, tiểu khu 568, tại thôn VT, xã VL, thành phố NT với giá 1.530.000.000 đồng. Bà đã đặt cọc 300.000.000 đồng, sau đó đã thanh toán đủ số tiền còn lại cho vợ chồng ông S là 1.230.000.000 đồng. Trong số tiền này có 800.000.000 đồng của ông Q, số tiền còn lại là bà vay của ông B. Bà thừa nhận có nhận 02 lần tiền của ông B chuyển vào tài khoản của bà, cụ thể lần 1 ngày 15/10/2008 là 15.000 bảng Anh và lần thứ 2 ngày 09/12/2008 là 10.000 bảng Anh. Ngoài ra, ngày 02/10/2008 bà H có yêu cầu ông B chuyển số tiền 11.461 bảng Anh cho con trai ông S đang du học tại Mỹ. Bà không nhận số tiền 30.000 bảng Anh như ông B đã nêu. Bà xác định tất cả các khoản tiền mà bà đã nhận của ông B là khoản tiền vay cá nhân. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Đình Q (chồng cũ của bà H) trình bày:

Ông và bà H kết hôn năm 1990 đến tháng 7/2007 thì ly hôn. Năm 2008, ông có đưa cho bà H 800.000.000 đồng để cùng mua chung thửa đất có diện tích 18.995,8m² nêu trên, mục đích là đầu tư cho con cái về sau. Ông giao tiền cho bà H thành 02 đợt: Lần 1 ngày 08/9/2008 số tiền 300.000.000 đồng, lần 2 ngày 08/11/2008 số tiền 500.000.000 đồng, khi giao tiền có mặt ông S, bà H1. Ông biết việc bà H mượn của ông B 20.000 USD để chuyển cho anh Tiết Phú H2 theo yêu cầu của ông S, bà H1; số tiền 15.000 bảng Anh bà H có nói chuyện với ông là mượn của ông B. Các khoản tiền khác do ông B, bà Lan chuyển cho bà H thì ông không biết. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đây là thửa đất do ông và bà H cùng nhau đi mua. Sau khi mua đất, ông với bà H đã thuê người trông coi cho tới nay. Ông B, bà L và bà H là anh em ruột, không có quan hệ làm ăn gì, việc vay nợ cũng không có giấy tờ gì.

- Ông Tiết Kim S, bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Nguồn gốc thửa đất có diện tích 18.995,8m² nêu trên là của ông Võ Xuân H3 được Ủy ban nhân dân thành phố NT giao đất theo Quyết định cấp đất số 1471/QĐ ngày 22/6/1998. Ngày 10/12/2001, ông H3 lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông, bà (Hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã VL ngày 10/12/2001).

Ngày 08/9/2008, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, ông, bà lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà Đào Thu H với số tiền 1.530.000.000 đồng.

Việc thanh toán được thực hiện làm 04 lần như sau: Ngày 08/9/2008, bà H đặt cọc 300.000.000 đồng (có mặt ông Q và giới thiệu là chồng của bà H), lần 2 theo bà H trình bày có ông anh định cư ở Anh chuyển tiền cho con trai là Tiết Phú H tại Mỹ số tiền 20.000 USD, lần 3 bà H chuyển 800.000.000 đồng khi đó có mặt ông Q và giới thiệu là vợ chồng, lần 4 bà H chuyển 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.530.000.000 đồng.

Hiện bà H đã giao đủ số tiền chuyển nhượng đất theo văn bản thỏa thuận mà hai bên đã lập và ông, bà cũng đã giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến thửa đất cho bà H. Nay ông B, bà L khởi kiện đòi tài sản là quyền sử dụng thửa đất nêu trên đối với bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông, bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa ông B với bà H và cũng không khiếu nại gì đối với thửa đất mà ông, bà đã chuyển nhượng cho bà H. Ông, bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Anh Tiết Phú H2 trình bày:

Anh là con của ông Tiết Kim S. Khoảng tháng 10/2008, anh có nhận được một khoản tiền 20.000 USD từ Ngân hàng Hoàng gia Scotland gửi cho anh, tên người gửi là ai anh không nhớ, anh chỉ biết khoản tiền này là từ việc cha mẹ của anh chuyển nhượng đất cho bà H. Cha mẹ của anh có yêu cầu bà H chuyển tiền cho anh nên bà H có nói một người bên Anh chuyển khoảng 20.000USD vào tài khoản của anh. Trước khi chuyển tiền cho anh thì bà H có gọi điện báo cho anh trước là sẽ có người nhà ở Anh chuyển tiền.

- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Đại diện theo pháp luật là ông Đặng Đình Q) có văn bản trình bày: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa đã thi hành án theo Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo hình thức cưỡng chế, đã bàn giao thửa đất nêu trên cho ông B, bà L. Hiện nay, Bản án đã được thi hành xong.

Người làm chứng là ông Phạm Văn X trình bày:

Ông là bạn của ông B (cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh). Cuối tháng 8 năm 2008, ông B về Việt Nam thăm chị gái là bà Đào Thị Ngọc A mỗ tìm nên ông có đến chơi. Tại nhà bà Ngọc A trong khi trò chuyện ông được chứng kiến ông B đang kiểm đếm tiền, số tiền khá lớn (khoảng 30.000 bảng Anh) nên ông B có nhờ ông đếm giúp. Sau đó, ông B nói “*đây là số tiền đưa cho bà H nhờ mua miếng đất ở NT Khánh Hòa và đứng tên hộ...*”. Ông được biết ông B đã chuyển số tiền 30.000 bảng Anh cho bà H để nhờ đứng tên mua đất.

Người làm chứng là ông Nguyễn Như H4 trình bày:

Vào cuối tháng 8/2008, ông có nghe ông B nói nhờ bà H đứng tên hộ thửa đất vì thời điểm đó pháp luật chưa cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận chuyển nhượng đất.

Người làm chứng là chị Hồ Thị Hằng D trình bày:

Chị là cháu ruột của ông B (chị gọi ông B bằng cậu) và bà H (chị gọi bà H bằng dì). Năm 2008, ông B về Việt Nam thăm nhà. Chị có biết việc bà H giới thiệu với ông B về thửa đất và ông B đã đi xem rồi đồng ý nhận chuyển nhượng. Chị là người chứng kiến ông B đưa số tiền 30.000 bảng Anh trực tiếp cho bà H tại nhà mẹ chị (lúc đấy có cả ông X). Ngoài ra, chị biết ông B còn nhiều lần gửi tiền về cho bà H để trả tiền nhận chuyển nhượng đất, việc này mọi người trong gia đình đều biết. Thời gian sau này, ông B có ý định chuyển nhượng đất này cho người khác nhưng bà H nói đất đã chuyển nhượng cho người khác.

Người làm chứng là ông R trình bày:

Ông là chồng của bà Đào Thu H, hiện nay vợ chồng ông đang cư trú tại số 94 Herbert Avenue, PL, England. Trong quá trình chung sống đã nhiều lần ông nghe bà H và chồng cũ nói về việc đang thay mặt cho anh trai là ông B giữ hộ mảnh đất tại NT.

Người làm chứng là bà Đào Thị K trình bày:

Ông B và bà H đều là cháu ruột của bà (bà K cư trú tại Hải Phòng). Bà có biết vào năm 2008, ông B có nhờ bà H nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên, toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng đất là của ông B.

Người làm chứng là ông Trần Ngọc B1 trình bày:

Bà H là người thuê ông trồng cây và trông coi đất nêu trên từ năm 2008 đến nay, tiền công 1.000.000 đồng/1 tháng. Bà H là người trả tiền, việc trông coi thỏa thuận bằng miệng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Ngọc B và bà Đào Ngọc L về việc “Đòi tài sản” là diện tích 18.995,8m² đất thuộc thửa số 334, tờ bản đồ 03, xã VL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa đối với bị đơn bà Đào Thu H;

- Buộc bà Đào Thu H phải trả lại cho ông Đào Ngọc B, bà Đào Ngọc L diện tích 18.995,8m² đất thuộc thửa số 334, tờ bản đồ số 03, xã VL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ, bản vẽ kèm theo);

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Đào Ngọc B và bà Đào Ngọc

L thanh toán công sức đóng góp cho bà Đào Thu H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) về việc trông coi, trồng cây và thực hiện đăng ký các thủ tục giấy tờ đất.

Ngày 06/12/2019, bà Đào Thu H và ông Ngô Đình Q kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2020/DS-PT ngày 26/10/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Bác kháng cáo của bà Đào Thu H và ông Ngô Đình Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 10/12/2020, bà Đào Thu H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 42/2021/KN-DS ngày 30/7/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2020/DS-PT ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2020/DS-PT ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất đang tranh chấp có diện tích 17.535,6m², thuộc thửa đất số 4, lô B, Khu X, tiểu khu 568 (nay là thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03, diện tích 18.995,8m²) tại thôn VT, xã VL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc là của ông Võ Xuân H3 được Ủy ban nhân dân thành phố NT giao đất, giao rừng cho hộ gia đình để quản lý, bảo vệ, sản xuất phát triển kinh tế gia đình theo Quyết định cấp đất số 1471/QĐ ngày 22/6/1998. Ngày 10/12/2001, ông H3 lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho ông Tiết Kim S, bà Nguyễn Thị H1, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã VL ngày 10/12/2001. Ngày 08/9/2008, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, vợ chồng ông S, bà H1 lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà H với số tiền 1.530.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi ông S, bà H1 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng. Bà H đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, bà H1 và đã nhận đất. Thửa đất được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Nha Trang trích đo ngày 05/11/2008 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Bà H thừa nhận có nhận tiền của ông B gửi về 02 lần (lần 1 là 15.000 bảng Anh và lần 2 là 10.000 bảng Anh; tổng cộng khoảng 880.000.000 đồng) và ông B gửi cho ông Tiết Phú H2 số tiền 11.461 bảng Anh (tương đương 380.000.000 đồng). Như vậy, bà H thừa nhận đã nhận của ông B khoảng 1.260.000 đồng. Đối với khoản tiền 30.000 bảng Anh (tương đương 993.000.000 đồng) mà ông B cho rằng đã đưa trực tiếp thì bà H không thừa nhận. Bà H cho rằng số tiền đã nhận của ông B là tiền vay nhưng ông B không thừa nhận. Mặc dù, cả hai bên đều không có chứng cứ trực tiếp (văn bản) để chứng minh nhưng theo lời khai của những người làm chứng là ông R (chồng bà H), bà Hồ Thị Hằng D (cháu gọi ông B là cậu ruột và gọi bà H là dì ruột), bà Đào Thị K, ông Phạm Văn X và ông Nguyễn Như H4 đều xác nhận: Ông B là người gửi tiền nhờ bà H nhận chuyển nhượng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định có việc ông B nhờ bà H nhận chuyển nhượng thửa đất đang tranh chấp là có căn cứ.

[3] Theo quy định của Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001), Luật đất đai năm 2003 thì người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không được đứng tên chủ sử dụng đất (trừ một số trường hợp đặc biệt cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép mua nhà ở gắn liền với đất ở thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở...). Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 169 Luật đất đai năm 2013 thì người Việt Nam định cư ở nước ngoài được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 169 Luật đất đai năm 2013 thì người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở được nhận quyền sử dụng đất thông qua hình thức mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở hoặc được nhận quyền sử dụng đất ở trong các dự án phát triển nhà ở. Trong trường hợp này đất đang tranh chấp là đất rừng, ông B, bà L là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên không thuộc trường hợp được công nhận quyền sử dụng đất theo các quy định nêu trên của pháp luật. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm giao quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng ông B, bà L là không đúng pháp luật.

[4] Năm 2008, giá chuyển nhượng thửa đất là 1.530.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi giải quyết tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định giá trị thửa đất này là 240.767.962 đồng (năm 2019) là không chính xác. Từ đó, cho rằng do giá trị đất tranh chấp không tăng nên không tính công sức cho bà H là chưa đủ cơ sở.

Tại công văn số 1973/CTHADS ngày 29/10/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa thông báo đã giao diện tích đất đang tranh chấp cho vợ chồng ông B, bà L từ ngày 15/3/2019. Do đó, khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh tình trạng pháp lý của thửa đất nêu trên để giải quyết theo quy định của

pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 348 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 42/2021/KN-DS ngày 30/7/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2020/DS-PT ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về vụ án “Đòi tài sản” giữa nguyên đơn là ông Đào Ngọc B, bà Đào Ngọc L với bị đơn là bà Đào Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi Nhận

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự trong vụ án (theo địa chỉ);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Lưu: VP, TP chủ tọa, Vụ GDKT II (03 bản), HS.

**TM. HỘI ĐỒNG THAM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Du